

PHỤ LỤC B

**‘GÓI CHÀO MỪNG’ CHO CÁC QUỐC GIA THÀNH
VIÊN MỚI CỦA HIỆP ƯỚC BUÔN BÁN VŨ KHÍ**

ANNEX B

**‘WELCOME PACK’ FOR NEW STATES PARTIES
TO THE ARMS TRADE TREATY**

PHỤ LỤC B
(DỰ THẢO) “GÓI CHÀO MỪNG” (WELCOME PACK)
CHO CÁC QUỐC GIA THÀNH VIÊN MỚI CỦA HIỆP ƯỚC BUÔN BÁN VŨ KHÍ

1. Giới thiệu	3
1.1. “Gói chào mừng” này được thiết kế cho ai?	3
1.2. ATT là gì?	3
1.3. Thông qua và có hiệu lực	3
1.4. Có bao nhiêu quốc gia đã tham gia ATT?	4
1.5. Phạm vi của ATT là gì?	4
1.5.1. Những loại vũ khí nào được ATT cho phép?	4
1.5.2. Những loại chuyển nhượng nào được ATT cho phép?	4
2. Quy trình ATT	5
2.1 Hội nghị của các quốc gia thành viên.....	5
2.1.1. Khi nào?	5
2.1.2. Là gì?	5
2.1.3. Ai?	5
2.2. Quá trình chuẩn bị	6
2.2.1. Các cuộc họp trụ bị không chính thức.....	6
2.2.2. Các cuộc họp đột xuất	6
2.3. Các cơ quan ATT	6
2.3.1. Quan chức của Hội nghị	6
2.3.1.1 Chủ tịch	6
2.3.1.2 Phó chủ tịch	7
2.3.1.3 Thư ký hội nghị.....	7
2.3.2. Các cơ quan trực thuộc.....	7
2.3.2.1 Ban quản lý	8
2.3.2.2 Các nhóm công tác	8
2.3.2.3 Ban tuyển chọn Quỹ ủy thác tự nguyện (VTF).....	9
3. Nghĩa vụ ATT	9
3.1. Nghĩa vụ kiểm soát buôn bán vũ khí theo Hiệp ước là gì?	9
3.1.1. Hệ thống kiểm soát quốc gia	9
3.1.2. Điều lệ chuyển nhượng	10
3.1.2.1 Ngăn cấm chuyển nhượng	10

3.1.2.2 XUẤT KHẨU	10
3.1.2.3 NHẬP KHẨU	11
3.1.2.4 CHUYỂN NHƯỢNG VÀ TRUNG CHUYỂN VŨ KHÍ	11
3.1.2.5 MÔI GIỚI	12
3.1.2.6 CHUYỂN HƯỚNG	12
4. Nghĩa vụ báo cáo theo Hiệp ước là gì?	12
4.1. Báo cáo ban đầu	12
4.2. Báo cáo thường niên	13
4.3. Báo cáo về sự chuyển hướng	13
5. Các nghĩa vụ tài chính theo Hiệp ước là gì?	13
5.1. Các quốc gia thành viên	13
5.2. Các quốc gia đã ký kết Hiệp ước và các quốc gia quan sát viên	14
6. Hỗ trợ và hỗ trợ triển khai ATT	14
6.1. Ban thư ký ATT	14
6.1.1. Vai trò của Ban thư ký ATT là gì?.....	14
6.1.2. Cách liên hệ với Ban thư ký ATT	15
6.2. Có hỗ trợ tài chính nào?	15
6.2.1. Quỹ ủy thác tự nguyện	15
6.2.2. Chương trình tài trợ	15
6.2.3. Cơ quan hỗ trợ hợp tác về quy định vũ khí của liên Hiệp Quốc (UNSCAR) ..	15
6.2.4. Dự án tiếp cận ATT của EU	16
6.2.5. Hỗ trợ song phương	16
6.3. Có hỗ trợ kỹ thuật nào?	16

1. GIỚI THIỆU

1.1. “Gói Chào mừng” được thiết kế cho ai?

Gói Chào mừng do Nhóm Công tác về Phổ cập Hiệp ước thiết kế. Gói này được xây dựng để cung cấp một cái nhìn tổng quan cơ bản về quy trình và nghĩa vụ của Hiệp ước buôn bán vũ khí đối với các quốc gia mới tham gia Hiệp ước hoặc những quốc gia mong muốn tìm hiểu thêm về Hiệp ước.

1.2. ATT là gì?

Hiệp ước buôn bán Vũ khí (ATT) là một hiệp ước quốc tế nhằm điều tiết việc buôn bán vũ khí thông thường mang tính quốc tế bằng cách thiết lập các tiêu chuẩn quốc tế chặt chẽ đối với việc chuyển nhượng vũ khí đồng thời tìm cách ngăn chặn và xóa bỏ buôn bán vũ khí bất hợp pháp cũng như sự chuyển hướng buôn bán vũ khí thông thường.

Mục tiêu của Hiệp ước được nêu trong Điều 1 là:

Thiết lập các tiêu chuẩn quốc tế chung cao nhất có thể để điều chỉnh hoặc cải thiện những quy định thương mại quốc tế trong buôn bán vũ khí thông thường;

Ngăn chặn và xóa bỏ buôn bán vũ khí thông thường bất hợp pháp và ngăn chặn sự chuyển hướng buôn bán

Nhằm mục đích:

Đóng góp cho hòa bình, an ninh, ổn định quốc tế và khu vực;

Giảm thiểu đau khổ cho con người;

Thúc đẩy sự hợp tác, đề cao tính minh bạch và hành động có trách nhiệm của các quốc gia thành viên trong thương mại quốc tế về vũ khí thông thường, từ đó xây dựng niềm tin giữa các quốc gia thành viên.

“Điều này đánh dấu việc mở ra một chương mới trong nỗ lực chung của chúng ta để mang lại hành động có trách nhiệm, trách nhiệm giải trình và tính minh bạch đối với việc buôn bán vũ khí toàn cầu”. - Ban Ki Moon ¹

ATT đóng góp cho hòa bình, an ninh, ổn định quốc tế và khu vực, giảm thiểu đau khổ cho con người, đồng thời thúc đẩy hợp tác, đề cao tính minh bạch và hành động có trách nhiệm.

1.3. Thông qua và có hiệu lực

¹ Tuyên bố của Tổng thư ký về Hiệp ước buôn bán vũ khí có hiệu lực vào ngày 23/12/2014

<<https://www.un.org/sg/en/content/sg/statement/2014-12-23/statement-secretary-general-entry-force-arms-trade-treaty>>

Hiệp ước đã được Nghị quyết của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua vào ngày 02 tháng 4 năm 2013 và có hiệu lực vào ngày 24 tháng 12 năm 2014, trở thành hiệp ước toàn cầu, mang tính ràng buộc về mặt pháp lý, một hiệp ước điều tiết việc giao dịch vũ khí thông thường.

1.4. Có bao nhiêu quốc gia đã tham gia ATT?

Ở giai đoạn này, hơn 100 quốc gia đã trở thành quốc gia thành viên của Hiệp ước và các quốc gia khác đã ký Hiệp ước nhưng chưa được phê chuẩn.

Thông tin cập nhật về tình hình gia nhập ATT, bao gồm mọi khu vực, đăng tải trên trang web ATT tại: <https://www.thearmstradetreaty.org/treaty-status.html?templateId=209883>

1.5. Phạm vi của ATT là gì?

ATT quy định việc chuyển nhượng một số loại vũ khí nhất định

1.5.1. Những loại vũ khí nào được ATT cho phép?

ATT quy định thương mại quốc tế đối với các loại vũ khí thông thường sau đây (xem Điều 2 (1)):

- 1) Xe tăng chiến đấu;
- 2) Xe bọc thép chiến đấu;
- 3) Hệ thống pháo nòng cỡ lớn;
- 4) Máy bay chiến đấu;
- 5) Trực thăng tấn công;
- 6) Tàu chiến;
- 7) Tên lửa và bộ phóng tên lửa; và
- 8) Vũ khí nhỏ và vũ khí hạng nhẹ

ATT cũng áp dụng cho xuất khẩu đạn/ đạn bắn, đạn phóng hoặc đạn nạp dùng cho vũ khí thông thường được liệt kê ở trên, cũng như xuất khẩu các bộ phận và linh kiện dạng rời để có thể lắp ráp thành vũ khí thông thường như được liệt kê ở trên (xem Điều 3 và 4).

1.5.2. Những loại chuyển nhượng nào được ATT cho phép?

ATT quy định các loại giao dịch sau (xem Điều 2 (2)):

- Xuất khẩu;
- Nhập khẩu;
- Quá cảnh và giao dịch trung chuyển; và
- Môi giới.

Hiệp ước không áp dụng cho việc di chuyển quốc tế những vũ khí thông thường bằng cách, hoặc nhân danh một quốc gia thành viên để sử dụng với điều kiện là vũ khí thông thường đó vẫn thuộc quyền sở hữu của quốc gia thành viên (xem Điều 2 (3)).

Ngoài ra, ATT còn công nhận “lợi ích hợp pháp của các quốc gia cần có được vũ khí thông thường để thực hiện quyền tự vệ và sử dụng cho các hoạt động gìn giữ hòa bình của họ” (đoạn 7, Nguyên tắc của ATT).

2. QUY TRÌNH ATT

2.1. Hội nghị của các quốc gia thành viên

2.1.1. Khi nào?

Theo Điều 17 (1) của Hiệp ước, mỗi Hội nghị các quốc gia thành viên có thể quyết định khi nào sẽ tổ chức Hội nghị tiếp theo. Trong thực tế, Quy trình nghị sự quy định rằng Hội nghị sẽ họp hàng năm trừ khi được một hội nghị khác quyết định (xem Quy tắc 11 của Quy trình nghị sự).

Hội nghị các quốc gia thành viên ATT đã từng được tổ chức như sau:

- Hội nghị các quốc gia thành viên của ATT lần thứ nhất (CSP1): Cancun, Mexico, 24-27 / 8/2015
- Hội nghị các quốc gia thành viên của ATT lần thứ hai (CSP2): Geneva, Thụy Sĩ, 22-26 tháng 8 năm 2016
- Hội nghị các quốc gia thành viên của ATT lần thứ ba (CSP3): Geneva, Thụy Sĩ, 11-15 tháng 9 năm 2017
- Hội nghị các quốc gia thành viên của ATT lần thứ tư (CSP4): Tokyo, Nhật Bản, 20-24 tháng 8 năm 2018
- Hội nghị các quốc gia thành viên của ATT lần thứ năm (CSP5): Geneva, Thụy Sĩ, 26-30 tháng 8 năm 2019

2.1.2. Là gì?

Vai trò của mỗi Hội nghị các quốc gia thành viên là:

- a) Xem xét lại việc thực thi Hiệp ước, bao gồm cả những phát triển trong lĩnh vực vũ khí thông thường;
- b) Xem xét và thông qua các khuyến nghị liên quan đến việc thực thi và vận hành Hiệp ước, đặc biệt là tăng cường sự quảng bá Hiệp ước.
- c) Xem xét sửa đổi Hiệp ước theo Điều 20;
- d) Xem xét các vấn đề phát sinh từ việc giải thích Hiệp ước;
- e) Xem xét và quyết định các nhiệm vụ và ngân sách của Ban thư ký;
- f) Xem xét để thành lập bất cứ cơ quan trợ giúp nào thấy cần thiết để cải thiện sự vận hành của Hiệp ước; và
- g) Thực hiện bất cứ nhiệm vụ nào phù hợp với Hiệp ước (xem Điều 17 (4)).

2.1.3. Ai?

Quy trình nghị sự quy định rằng các cuộc họp toàn thể của Hội nghị sẽ được công khai trừ khi Hội nghị có quyết định khác theo yêu cầu của một quốc gia thành viên (xem Quy tắc 13 của Quy trình nghị sự). Theo đó, các quốc gia thành viên, các quốc gia ký kết, các quốc gia quan sát viên (gồm các quốc gia không phải là thành viên cũng không phải là quốc gia ký kết Hiệp ước), cũng như đại diện của Liên hợp quốc, các cơ quan chuyên môn, các tổ chức liên chính phủ quốc tế và khu vực, bao gồm các tổ chức phi chính phủ (NGO) và các tập đoàn công nghiệp, có thể tham gia Hội nghị các quốc gia thành viên (xem Quy tắc 1-5 của Quy trình nghị sự), trừ khi và cho đến khi có quyết định khác.

Tuy nhiên, chỉ các quốc gia thành viên mới được tham gia đầy đủ Hội nghị (nghĩa là chỉ các quốc gia thành viên mới có quyền thông qua nghị quyết và bỏ phiếu cho các quyết định khi cần thiết). Các quốc gia ký kết có thể tham gia Hội nghị nhưng không được tham gia vào việc thông qua các nghị quyết. Các quốc gia quan sát viên và đại diện của Liên Hiệp Quốc, các tổ chức quốc tế và khu vực, xã hội dân sự và các tập đoàn công nghiệp có thể tham dự Hội nghị với tư cách quan sát viên, phát biểu tại các cuộc họp toàn thể, nhận tài liệu chính thức và gửi ý kiến bằng văn bản cho Hội nghị.

2.2. Quá trình chuẩn bị

2.2.1. Các cuộc họp trừ bị không chính thức

Trong giai đoạn giãn cách giữa mỗi một Hội nghị các quốc gia thành viên, những cuộc họp trừ bị không chính thức được tổ chức tại trụ sở của Ban thư ký ATT ở Geneva để chuẩn bị cho những Hội nghị tiếp theo. Số lượng cuộc họp trừ bị và thời lượng của mỗi cuộc họp không quy định /định sẵn, nhưng nói chung, hai cuộc họp trừ bị không chính thức kéo dài mỗi cuộc một ngày và được tổ chức trước mỗi Hội nghị các quốc gia thành viên. Các cuộc họp trừ bị thường được sắp xếp thời gian trùng với các cuộc họp của Nhóm công tác ATT (xem mục 2.3.2.2). Các cuộc họp trừ bị được tiến hành công khai.

2.2.2. Các cuộc họp đột xuất

Điều 17 (5) quy định rằng các cuộc họp đột xuất của Hội nghị có thể được triệu tập trong thời gian giữa các Hội nghị các quốc gia thành viên, nếu có đề xuất của một quốc gia thành viên và hai phần ba các quốc gia thành viên khác ủng hộ. Các cuộc họp đột xuất diễn ra tại trụ sở Ban thư ký ở Geneva trừ khi có quyết định khác (xem Quy tắc 14 của Quy trình nghị sự)

2.3. Các cơ quan của ATT

2.3.1. Quan chức của Hội nghị

2.3.1.1 Chủ tịch

Các quốc gia thành viên của Hiệp ước buôn bán vũ khí (ATT) bầu một chủ tịch thường niên trong Hội nghị các quốc gia thành viên (CSP) để chủ trì CSP vào năm tiếp theo, bao gồm cả quá trình chuẩn bị.

Những người sau đây đã từng là Chủ tịch của CSP:

- CSP1: Đại sứ Jorge Lomónaco, Mexico
- CSP2: Đại sứ Emmanuel E. Imohe, Nigeria
- CSP3: Đại sứ Klaus Korhonen, Phần Lan
- CSP4: Đại sứ Nobushige Takamizawa, Nhật Bản
- CPS4: Đại sứ Jāni Kārklīņš, Latvia

2.3.1.2 Phó chủ tịch

Theo Điều 9 của Quy trình nghị sự, trong mỗi phiên họp của Hội nghị các quốc gia thành viên ATT, một Chủ tịch và bốn Phó chủ tịch cho phiên họp tiếp theo của Hội nghị được bầu trong số các đại diện của các quốc gia tham gia.

Chủ tịch và bốn Phó chủ tịch, được gọi một cách không chính thức là “Bureau” (Chánh Văn phòng), bắt đầu nhiệm kỳ của họ khi kết thúc cuộc hội nghị bầu cho họ và phục vụ cho đến khi những người kế nhiệm được bầu vào cuối phiên họp thường kỳ tiếp theo của Hội nghị. Chủ tịch (được các Phó Chủ tịch trợ giúp) chủ trì bất kỳ cuộc họp đột xuất nào của Hội nghị được tổ chức trong nhiệm kỳ của họ.

2.3.1.3 Thư ký hội nghị

Theo Điều 10 của Quy trình nghị sự, Trưởng ban Thư ký ATT là Thư ký Hội nghị và hoạt động với chức trách này tại tất cả các phiên của Hội nghị và các cơ quan phụ trợ. Vai trò của Thư ký là thực hiện tất cả những thỏa thuận cần thiết liên quan đến các phiên họp thông thường và đột xuất và, nói chung, thực hiện tất cả các công việc khác mà Hội nghị có thể yêu cầu, theo Điều 18 khoản 3 (d) của Hiệp ước.

Các vai trò và chức năng khác của Ban thư ký ATT được mô tả trong phần 6.1.1.

2.3.2 Các cơ quan trực thuộc

Điều 42 của Quy trình nghị sự quy định rằng Hội nghị các quốc gia thành viên có thể thành lập các cơ quan trực thuộc, theo Điều 17 (4) của Hiệp ước. Hội nghị quyết định những vấn đề cần xem xét của cơ quan trực thuộc được thành lập theo Hiệp ước, bao gồm nhiệm vụ, quan chức, thành phần, quy mô, thời gian và các vấn đề ngân sách.

Các cơ quan trực thuộc hiện tại của ATT là:

- Ban quản lý
- Ba nhóm công tác:
 - o Nhóm công tác về hiệu quả thực thi hiệp ước

- o Nhóm công tác về tính minh bạch và báo cáo
- o Nhóm công tác về phổ cập Hiệp ước

- Ban tuyển chọn VTF

Vai trò và chức năng của từng cơ quan được mô tả dưới đây

2.3.2.1 Ban quản lý

Hội nghị các quốc gia thành viên đầu tiên của ATT đã thành lập một Ban Quản lý với tư cách là một cơ quan trực thuộc, theo Điều 17 (4) của Hiệp ước và Điều 42 của Quy trình nghị sự. Vai trò của Ban Quản lý là giám sát các vấn đề tài chính và những vấn đề khác liên quan đến Ban Thư ký ATT nhằm đảm bảo tối đa trách nhiệm giải trình, hiệu quả, tính minh bạch và các hoạt động của Ban Thư ký.

Ban Quản lý bao gồm Chủ tịch Hội nghị các quốc gia thành viên và đại diện của một quốc gia thành viên do mỗi nhóm khu vực của Liên Hiệp Quốc chỉ định. Một đại diện của Ban thư ký ATT tham gia cuộc họp. Một đại diện của những quốc gia đã ký kết có thể được Hội nghị mời, khi thích hợp, tham dự các cuộc họp của Ban Quản lý với tư cách quan sát viên.

Thành viên của Ban Quản lý (trừ Chủ tịch và đại diện Ban Thư ký ATT) có nhiệm kỳ công tác trong thời gian hai năm và đủ điều kiện có thể thêm một nhiệm kỳ nữa.

Hoạt động của Ban Quản lý được Điều khoản Thẩm quyền đối với Ban Quản lý quy định

2.3.2.2 Các nhóm công tác

Các nhóm công tác sau đây được Hội nghị CSP2 thành lập vào năm 2016 và trở thành những nhóm công tác thường trực theo quyết định của Hội nghị CSP3 vào năm 2017:

- Nhóm Công tác về hiệu quả thực thi Hiệp ước (WGTEI)
- Nhóm Công tác về tính minh bạch và báo cáo (WGTR)
- Nhóm Công tác về phổ cập Hiệp ước (WGTU)

Chủ tịch Hội nghị chỉ định một Chủ tịch hoặc Đồng chủ tịch cho mỗi Nhóm Công tác và mục tiêu của mỗi Nhóm Công tác - theo Điều khoản thẩm quyền tương ứng của họ - như sau: WGTEI: trao đổi thông tin và những thách thức đối với việc thực thi Hiệp ước ở cấp quốc gia; WGTR: thực hiện những nhiệm vụ do Hội nghị các quốc gia thành viên trong khu vực chung xác định, được thể hiện qua tên gọi của nhóm (tức là các vấn đề về tính minh bạch và nghĩa vụ báo cáo theo Hiệp ước); WGTU: tạo ra và chia sẻ quan điểm và những biện pháp thực hiện phổ cập Hiệp ước.

Trung bình, các Nhóm Công tác họp mỗi năm hai lần (cùng thời gian với những cuộc họp trừ bị không chính thức của mỗi Hội nghị các Quốc gia thành viên (xem mục 2.2.1) trong tổng cộng ba ngày. Mỗi Nhóm Công tác nộp báo cáo cho Hội nghị các quốc gia thành viên về tiến trình công việc của họ.

2.3.2.3 Ban tuyển chọn Quỹ ủy thác tự nguyện (VTF)

Hội nghị các quốc gia thành viên của ATT lần thứ hai đã chỉ định một Ban tuyển chọn VTF làm cơ quan trực thuộc, theo Điều 17 (4) của Hiệp ước và Điều 42 của Quy trình nghị sự, để giám sát việc điều hành Quỹ ủy thác tự nguyện bao gồm cả việc phân bổ nguồn vốn sẵn có cho những dự án theo yêu cầu đề xuất hàng năm (xem mục 6.2.1).

Ban tuyển chọn bao gồm tối đa 15 thành viên công tác trong thời gian hai năm (và đủ điều kiện có thể được bổ nhiệm lại cho những nhiệm kỳ tiếp theo). Hoạt động của Ban tuyển chọn VTF được Điều khoản thẩm quyền của VTF quy định. Ban tuyển chọn VTF cử một trong số các thành viên của mình làm chủ trì thảo luận và Chủ tịch Ban tuyển chọn VTF báo cáo về công việc và tình hình của VTF tại mỗi Hội nghị các quốc gia thành viên.

3. Nghĩa vụ của ATT

3.1. Nghĩa vụ kiểm soát buôn bán vũ khí theo Hiệp ước là gì?

3.1.1 Hệ thống kiểm soát quốc gia

Một trong những nghĩa vụ trọng tâm theo Điều 5 của Hiệp ước là các quốc gia thành viên phải thiết lập và duy trì một hệ thống kiểm soát quốc gia để điều tiết việc xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển và trung chuyển vũ khí thông thường, đạn dược/ đạn, các bộ phận và linh kiện cũng như những hoạt động môi giới liên quan đến vũ khí.

Là một phần của hệ thống kiểm soát quốc gia, mỗi quốc gia thành viên được yêu cầu phải thiết lập và duy trì một danh sách kiểm soát quốc gia về vũ khí và thiết bị được hệ thống kiểm soát của quốc gia mình cho phép. Đó là một danh mục các vũ khí, đạn dược/ đạn, các bộ phận và linh kiện, và những mặt hàng khác mà việc chuyển nhượng được quốc gia kiểm soát và điều tiết. Các quốc gia thành viên được yêu cầu phải cung cấp một bản sao danh sách kiểm soát quốc gia của mình cho Ban thư ký ATT, và danh sách này cũng được công khai cho các quốc gia thành viên khác nên danh sách kiểm soát quốc gia của họ được công khai một cách rộng rãi.

Mỗi quốc gia thành viên cũng phải chỉ định một hoặc nhiều cơ quan có thẩm quyền quốc gia để tạo ra một hệ thống kiểm soát quốc gia hiệu quả và minh bạch đồng thời họ cũng phải thiết lập một hoặc nhiều điểm liên lạc quốc gia để làm đầu mối liên lạc và trao đổi thông tin về những vấn đề liên quan đến việc thực hiện Hiệp ước.

Nhóm công tác của ATT về hiệu quả thực thi Hiệp ước đã xây dựng *Bản hướng dẫn cơ bản tự nguyện để thiết lập hệ thống kiểm soát quốc gia*, để cung cấp một cách chi tiết về cách thiết lập hệ thống kiểm soát quốc gia theo yêu cầu của Hiệp ước.

Phụ lục A của [Báo cáo Dự thảo của Chủ tịch Hội nghị CSP4](#) (ATT / CSP4.WGETI / 2018 / CHAIR / 355 / Conf.Rep) có tiêu đề: *Danh mục những tài liệu các quốc gia thành viên có thể tham khảo*

khi thực hiện Điều 5, đưa ra hướng dẫn cho các quốc gia thành viên về những nguồn thông tin mà họ có thể tham khảo trong việc thực hiện Điều 5.

3.1.2. Điều lệ chuyển nhượng

3.1.2.1 NGĂN CẤM CHUYỂN NHƯỢNG

Thuật ngữ “chuyển nhượng” được định nghĩa theo Điều 2 (2) của Hiệp ước bao gồm xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển, trung chuyển và môi giới.

Theo Điều 6 của Hiệp ước, các quốc gia thành viên bị cấm ủy quyền cho bất kỳ sự chuyển nhượng vũ khí, đạn dược/ đạn, các bộ phận và linh kiện có liên quan đến vũ khí, nếu:

- Việc chuyển nhượng được đề xuất sẽ vi phạm các lệnh cấm vận vũ khí của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc được thông qua theo Chương VII của Điều lệ;
- Việc chuyển nhượng được đề xuất sẽ vi phạm các nghĩa vụ quốc tế có liên quan theo các điều ước quốc tế mà một quốc gia tham gia; hoặc
- Tại thời điểm ủy quyền, quốc gia thành viên biết rằng vũ khí hoặc thiết bị sẽ được sử dụng cho các hoạt động diệt chủng, tội ác chống lại loài người, hoặc một số tội ác chiến tranh.

Nếu việc chuyển nhượng không bị cấm theo Điều 6, mỗi quốc gia thành viên phải đảm bảo việc chuyển nhượng được quy định theo những quy định khác của Hiệp ước, như được dẫn ra dưới đây.

Phụ lục E của [Báo cáo Dự thảo của Chủ tịch Hội nghị CSP4](#) (ATT / CSP4.WGETI / 2018 / CHAIR / 355 / Conf.Rep) có tiêu đề: *Các yếu tố hướng dẫn và hỗ trợ tự nguyện có thể thực hiện nghĩa vụ theo Điều 6 (1)*, cung cấp hướng dẫn cho các quốc gia thành viên về việc thực hiện Điều 6 (1).

3.1.2.2 XUẤT KHẨU

Theo Điều 7, nếu việc chuyển nhượng liên quan đến xuất khẩu vũ khí thông thường, đạn dược/ đạn hoặc các bộ phận và linh kiện liên quan, thì quốc gia xuất khẩu bắt buộc phải đánh giá rủi ro hoặc khả năng mà vũ khí hoặc thiết bị được xuất khẩu có thể làm suy giảm hòa bình và an ninh hoặc chúng có thể được sử dụng để **cam kết** hoặc tạo điều kiện cho việc:

- Vi phạm nghiêm trọng luật nhân đạo quốc tế;
- Vi phạm nghiêm trọng luật nhân quyền quốc tế;
- Hành vi cấu thành tội phạm theo các thỏa thuận quốc tế liên quan đến khủng bố; hoặc
- Hành vi cấu thành tội phạm theo thỏa thuận quốc tế liên quan đến tổ chức tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

Quốc gia thành viên xuất khẩu cũng phải xem xét liệu có biện pháp nào có thể được thực hiện để giảm thiểu rủi ro có thể xảy ra hay không, chẳng hạn như các biện pháp xây dựng lòng tin hoặc các chương trình do cả quốc gia xuất khẩu và nhập khẩu cùng phối hợp phát triển.

Một quốc gia thành viên xuất khẩu phải từ chối mọi đề xuất ủy quyền nếu đánh giá của họ cho thấy rằng có một rủi ro “quá mức” dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng đã được liệt kê tại Điều 7 (1).

Một quốc gia thành viên xuất khẩu cũng phải tính đến nguy cơ vũ khí thông thường, đạn dược, hoặc các bộ phận và linh kiện liên quan, được sử dụng để thực hiện hoặc tạo điều kiện cho những hành vi bạo lực giới hoặc hành vi bạo lực nghiêm trọng đối với phụ nữ và trẻ em (xem Điều 7 (4)), và phải đánh giá rủi ro chuyển hướng xuất khẩu (Điều 11).

Phụ lục B [Báo cáo Dự thảo của Chủ tịch Hội nghị CSP4](#) (ATT / CSP4.WGETI / 2018 / CHAIR / 355 / Conf.Rep) có nhan đề: “*Danh sách những tài liệu các quốc gia thành viên có thể tham khảo để đánh giá rủi ro theo Điều 7*”, cung cấp hướng dẫn cho các quốc gia thành viên về các nguồn thông tin mà họ có thể tham khảo khi thực hiện Điều 7.

3.1.2.3 NHẬP KHẨU

Ngoài việc bị cấm nhập khẩu một số loại vũ khí thông thường, đạn dược /thiết bị liên quan, hoặc các bộ phận và linh kiện theo Điều 6 (xem mục 3.1.2.1 ở trên), mỗi quốc gia nhập khẩu vũ khí cần phải “thực hiện các biện pháp cho phép điều chỉnh, trong trường hợp cần thiết, nhập khẩu những vũ khí thông thường thuộc thẩm quyền của mình”.

Mặc dù ATT không chỉ định các biện pháp nào sẽ được thực hiện để điều tiết nhập khẩu như là một phần của hệ thống kiểm soát quốc gia, chúng có thể bao gồm yêu cầu xin phép cơ quan có thẩm quyền dưới dạng giấy phép hoặc giấy phép nhập khẩu vũ khí, và/ hoặc giấy xác nhận người sử dụng vũ khí cuối cùng và chứng nhận giao hàng.

Hiệp ước cũng quy định rằng các quốc gia nhập khẩu phải thực hiện các biện pháp để đảm bảo thông tin được cung cấp cho một quốc gia xuất khẩu, nếu được yêu cầu thực hiện như một phần của đánh giá rủi ro, một quốc gia xuất khẩu có thể tiến hành và các biện pháp đó có thể kể cả đối với người sử dụng cuối cùng.

3.1.2.4 CHUYỂN NHƯỢNG VÀ TRUNG CHUYỂN VŨ KHÍ

Ngoài việc quá cảnh và trung chuyển vũ khí thông thường, đạn, hoặc các bộ phận và linh kiện có liên quan bị cấm trong một số trường hợp được mô tả trong Điều 6 (xem mục 3.1.2.1 ở trên), Điều 9 yêu cầu các quốc gia thành viên thực hiện các biện pháp thích hợp để điều chỉnh quá cảnh hoặc vận chuyển vũ khí thông thường thuộc thẩm quyền của mình “khi cần thiết và khả thi” và “phù hợp với luật pháp quốc tế có liên quan”

Mặc dù ATT không chỉ định các biện pháp nào sẽ được thực hiện để điều chỉnh quá cảnh và trung chuyển như là một phần của hệ thống kiểm soát quốc gia, nhưng họ có thể yêu cầu phải có sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền dưới dạng giấy phép hoặc giấy phép quá cảnh hoặc

trung chuyển vũ khí thông thường và / hoặc yêu cầu các đại lý vận tải đưa ra thông báo trước cho Quốc gia quá cảnh rằng vũ khí sẽ đi qua lãnh thổ của họ.

3.1.2.5 MÔI GIỚI

Ngoài việc môi giới vũ khí thông thường, đạn dược, hoặc các bộ phận và linh kiện liên quan bị cấm trong một số trường hợp được mô tả tại Điều 6 (xem mục 3.1.2.1 ở trên), Điều 10 yêu cầu các quốc gia thành viên phải có biện pháp, theo luật pháp quốc gia của mình, để điều chỉnh môi giới diễn ra dưới quyền tài phán “đối với vũ khí thông thường, Hiệp ước quy định rằng các biện pháp đó có thể bao gồm: yêu cầu các nhà môi giới phải đăng ký hoặc có được ủy quyền bằng văn bản trước khi tham gia môi giới.”

3.1.2.6 CHUYỂN HƯỚNG

Điều 11 của ATT bao gồm một loạt các cam kết nhằm ngăn chặn, giải quyết và thúc đẩy nhận thức về sự chuyển hướng của vũ khí thông thường. Các quốc gia thành viên xuất khẩu phải đánh giá rủi ro chuyển hướng xuất khẩu và xem xét việc thiết lập các biện pháp giảm thiểu như biện pháp xây dựng lòng tin hoặc các chương trình do nước xuất khẩu và nhập khẩu cùng hợp tác triển khai.

Ngoài ra, theo Điều 11, mỗi quốc gia thành viên liên quan đến việc chuyển nhượng có nghĩa vụ ngăn chặn và giải quyết việc chuyển hướng vũ khí đang được chuyển nhượng. ATT không yêu cầu các quốc gia thành viên ngăn chặn và giải quyết việc chuyển đạn hoặc các bộ phận và linh kiện, nhưng các quốc gia thành viên có thể chọn làm như vậy.

Hợp tác và chia sẻ thông tin giữa các quốc gia liên quan đến chuyển nhượng là những yếu tố trung tâm của điều khoản này, nêu bật thực tế rằng việc giải quyết vấn đề chuyển hướng vũ khí thông thường không phải là điều mà các quốc gia có thể đạt được một mình.

4. Nghĩa vụ báo cáo theo Hiệp ước là gì?

4.1. Báo cáo ban đầu

Theo Điều 13 (1) của ATT, các quốc gia thành viên phải cung cấp Báo cáo ban đầu cho Ban thư ký ATT mô tả các biện pháp mà quốc gia thành viên đã áp dụng để thực thi Hiệp ước, “bao gồm luật pháp quốc gia, danh sách kiểm soát quốc gia và các quy định và biện pháp hành chính khác”. Họ cũng được yêu cầu báo cáo về bất kỳ biện pháp mới nào được thực hiện để thực thi Hiệp ước và khi nào các biện pháp đó đã được thực hiện.

Mỗi quốc gia thành viên phải nộp Báo cáo ban đầu trong năm đầu tiên sau khi Hiệp ước này có hiệu lực đối với quốc gia thành viên đó. Theo đó, thời hạn nộp Báo cáo ban đầu của quốc gia thành viên là mười hai tháng sau ngày Hiệp ước có hiệu lực²

Một mẫu báo cáo đã được giới thiệu để hỗ trợ các quốc gia thành viên nộp Báo cáo ban đầu và Báo cáo ban đầu có thể được gửi trực tuyến tới Ban thư ký ATT.

4.2 Báo cáo thường niên

Theo Điều 13 (3) của ATT, các quốc gia thành viên phải nộp báo cáo hàng năm bao gồm thông tin “liên quan đến xuất khẩu và nhập khẩu thực tế và nhập khẩu vũ khí thông thường được bảo hộ theo Điều 2 (1)” được thực hiện trong năm dương lịch trước đó (từ 1 tháng 1 đến 31 tháng 12).

Hạn chót để nộp Báo cáo thường niên cho Ban thư ký ATT là ngày 31 tháng 5 hàng năm. Ví dụ: thời hạn nộp Báo cáo thường niên 2018 về xuất khẩu và nhập khẩu được thực hiện trong khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là ngày 31 tháng 5 năm 2019.

Một mẫu báo cáo đã được giới thiệu để hỗ trợ các quốc gia thành viên nộp Báo cáo thường niên và Báo cáo thường niên có thể được gửi trực tuyến tới Ban thư ký ATT.

4.3 Báo cáo về sự chuyển hướng

Theo Điều 11 (6) và 13 (2), các quốc gia thành viên được khuyến khích báo cáo về những biện pháp đã thực hiện để giải quyết vấn đề chuyển hướng trong quá trình chuyển nhượng vũ khí. Hiện tại, chưa có cơ chế chính thức để báo cáo về các biện pháp đã thực hiện để giải quyết vấn đề chuyển hướng (ví dụ, không có mẫu báo cáo nào cho loại báo cáo đó) và các quốc gia thành viên được hoan nghênh gửi báo cáo về chuyển hướng theo bất cứ hình thức nào họ lựa chọn, đồng thời cũng khuyến khích các quốc gia thành viên sử dụng nền tảng trao đổi thông tin có sẵn trên trang web ATT để trao đổi thông tin và chia sẻ kinh nghiệm về việc chuyển hướng trong các giao dịch vũ khí.

5. Các nghĩa vụ tài chính theo Hiệp ước là gì?

5.1. Quốc gia thành viên

Các quốc gia thành viên phải đóng góp những khoản chi phí được ấn định bao gồm:

² Đối với một quốc gia được phê chuẩn, chấp nhận, phê duyệt hoặc gia nhập Hiệp ước sau ngày 24 tháng 12 năm 2014, Hiệp ước có hiệu lực cho quốc gia đó sau chín mươi ngày kể từ ngày ký văn bản phê chuẩn, chấp nhận, phê chuẩn hoặc gia nhập theo Điều khoản 22. Thời hạn nộp Báo cáo ban đầu là mười hai tháng sau ngày đó.

1. Đóng góp cho CSP và cho bất kỳ cơ quan hỗ trợ nào có thể được thành lập: Tất cả các quốc gia thành viên, không phân biệt tham dự hay không tham dự vào các cuộc họp và hội nghị của các quốc gia thành viên, được ấn định đóng góp kinh phí cho mỗi Hội nghị, hoặc bất kỳ cơ quan hỗ trợ nào có thể được thành lập, bao gồm cả chi phí chuẩn bị và tổ chức Hội nghị hoặc những cuộc họp của các cơ quan hỗ trợ nếu có (xem Điều 5.1 của Quy định tài chính ATT).
2. Đóng góp cho Ban thư ký: Hàng năm, theo dương lịch, các quốc gia thành viên phải đóng góp một khoản phí được ấn định cho chi phí của Ban thư ký ATT trong việc thực hiện các nhiệm vụ cốt lõi của mình, bao gồm: lương nhân viên, thiết bị, chi phí văn phòng, quản trị tài chính, quản trị nhân sự, bảo hiểm, truyền thông và CNTT và bất kỳ mục nào cần thiết khác cho hoạt động của Ban thư ký theo quyết định của Hội nghị (xem Điều 6.3 của Quy định tài chính của ATT).

5.2. Các quốc gia đã ký kết Hiệp ước và các quốc gia quan sát viên

Các quốc gia đã ký kết Hiệp ước và các quốc gia quan sát viên khác tham dự tại mỗi Hội nghị của các quốc gia thành viên, hoặc bất kỳ cơ quan hỗ trợ nào mà họ có thể thành lập, đều phải chịu một khoản phí tham dự đối với chi phí chuẩn bị và tổ chức Hội nghị, hoặc những cuộc họp của cơ quan hỗ trợ nếu có.

Hóa đơn công bố cho chi phí Hội nghị sẽ được ước tính dựa trên giả định rằng tất cả các quốc gia đã ký kết Hiệp ước và các quốc gia quan sát viên khác tham dự Hội nghị trong năm trước sẽ tham dự Hội nghị trong năm tiếp theo.

6. Hỗ trợ và hỗ trợ triển khai ATT

6.1. Ban thư ký ATT

6.1.1. Vai trò của Ban thư ký ATT là gì?

Ban thư ký ATT được thành lập theo Điều 18 của Hiệp ước để giúp đỡ và hỗ trợ các quốc gia thành viên trong việc thực thi hiệu quả ATT.

Ban thư ký ATT quản lý quá trình báo cáo theo Hiệp ước; duy trì một cơ sở dữ liệu về các điểm liên lạc quốc gia; tạo điều kiện phù hợp với những đề nghị và yêu cầu hỗ trợ thực hiện Hiệp ước; tạo điều kiện cho công việc của Hội nghị các quốc gia thành viên; và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quyết định của Hội nghị các quốc gia thành viên. Tạo điều kiện cho công việc của Hội nghị các quốc gia thành viên bao gồm hỗ trợ công việc của Chủ tịch CSP, Phó chủ tịch, Ủy ban quản lý và các Đồng chủ tịch của các nhóm công tác do Hội nghị các quốc gia thành lập, từ giai đoạn chuẩn bị cho đến từng Hội nghị CSP.

Ngoài những trách nhiệm truyền thống được nêu trong Điều 18 (3) của Hiệp ước, Ban thư ký ATT cũng điều hành Quỹ ủy thác tự nguyện, với sự hỗ trợ của Ủy ban tuyển chọn VTF (xem phần 2.3.2.3 VÀ 6.2.1) cũng như chương trình tài trợ ATT.

6.1.2. Cách liên hệ với Ban thư ký ATT

Địa chỉ: 7bis avenue de la Paix, Tòa nhà WMO, tầng 2, 1211 Geneva

Điện thoại: +41 (0)22 715 04 20

Email: info@thearmstradetreaty.org

Web: www.thearmstradetreaty.org

6.2. Có hỗ trợ tài chính nào?

6.2.1. Quỹ ủy thác tự nguyện

Điều 16 (3) của Hiệp ước thương mại vũ khí (ATT) quy định việc thành lập Quỹ ủy thác tự nguyện (VTF) để hỗ trợ thực thi Hiệp ước quốc gia và khuyến khích tất cả các quốc gia thành viên đóng góp nguồn lực cho Quỹ.

VTF do Hội nghị các quốc gia thành viên lần thứ hai chính thức thành lập vào tháng 8 năm 2016 để hoạt động theo Điều khoản tham chiếu đã được phê duyệt. VTF giải ngân kinh phí cho các dự án triển khai ATT theo các quy định của Điều khoản tham chiếu và Nguyên tắc hành chính.

VTF do Ban thư ký ATT quản lý với sự hỗ trợ của Ủy ban tuyển chọn VTF (xem phần 2.3.2.3). Hàng năm, VTF đưa ra lời kêu gọi mời các quốc gia nộp đơn xin trợ cấp lên tới 100.000 USD cho các dự án thực hiện ATT; và chỉ các quốc gia thành viên mới có thể xin tài trợ của các quỹ.

Để biết thêm thông tin, hãy truy cập:

<https://www.thearmstradetreaty.org/voluntary.html>

6.2.2. Chương trình tài trợ

Ban thư ký ATT điều hành một chương trình tài trợ để tạo điều kiện cho các quốc gia có thể tham gia đầy đủ vào các cuộc họp của ATT. Mục tiêu chính của chương trình tài trợ này là để tối đa hóa quy mô và đa dạng hóa việc tham gia vào các cuộc họp của ATT; đảm bảo cho các đại diện và thành viên có thể phát biểu trong các cuộc họp và cuối cùng là nhằm góp phần tăng cường việc thực thi và phổ cập Hiệp ước. Ban thư ký ATT kêu gọi các đơn xin tài trợ sẽ được gửi đến trước mỗi cuộc họp của ATT, nơi quỹ tài trợ luôn sẵn sàng bằng cách gọi điện thoại cho mọi người trong danh sách gửi thư ứng dụng hoặc bằng cách đăng thông tin lên trang web của ATT.

6.2.3. Cơ quan hợp tác và hỗ trợ về quy định vũ khí của liên Hiệp Quốc (UNSCAR)

Cơ quan Hợp tác và Hỗ trợ về Quy định Vũ khí (UNSCAR) của Liên Hợp Quốc là một nhà tài trợ linh hoạt, hỗ trợ những qui định về vũ khí do Liên Hợp Quốc quản lý, hỗ trợ về việc phê chuẩn /gia nhập và thực hiện các công cụ quốc tế có liên quan về các quy định vũ khí, bao gồm ATT.

UNSCAR đưa ra lời kêu gọi đề xuất hàng năm và dành cho các đơn xin hỗ trợ từ các đối tác của Liên Hợp Quốc, các tổ chức quốc tế /khu vực, tổ chức phi chính phủ, viện nghiên cứu. Các chính phủ muốn nhận được hỗ trợ nên làm việc với một ứng viên đủ điều kiện.

Để biết thêm thông tin, hãy truy cập: <https://www.un.org/disarmament/unscar/>

6.2.4. Dự án tiếp cận ATT của EU

Liên minh châu Âu đã thành lập một dự án và cam kết tài trợ để hỗ trợ thực hiện ATT có tên gọi là “Dự án tiếp cận cộng đồng ATT của EU”. Dự án gồm những thành phần khác nhau:

- Các chương trình hỗ trợ quốc gia cung cấp cho các đối tác trong dài hạn để có thể giải quyết những nhiệm vụ ưu tiên mang tính quốc gia thông qua các hoạt động hỗ trợ phù hợp.
- Các hoạt động đặc biệt để cho phép đáp ứng một cách linh hoạt và nhanh chóng theo yêu cầu hỗ trợ riêng.
- Các hội nghị, hội thảo khu vực để cung cấp và chia sẻ những mô hình hoạt động thực tế tốt nhất liên quan đến các tổ chức xã hội dân sự và thúc đẩy hợp tác khu vực.

Hỗ trợ được cung cấp trực tiếp theo yêu cầu của các quốc gia thực hiện Dự án. Thông tin chi tiết có sẵn tại địa chỉ: <https://export-control.jrc.ec.europa.eu/projects/Arms-Trade-Treaty>

6.2.5. Hỗ trợ song phương

Nhiều quốc gia tài trợ cung cấp hỗ trợ tài chính và kỹ thuật để thực hiện ATT trên cơ sở song phương. Các quốc gia quan tâm đến việc nhận hỗ trợ như vậy nên liên hệ trực tiếp với các nước tài trợ.

6.3. Có hỗ trợ kỹ thuật nào?

Các quốc gia có thể tìm kiếm sự trợ giúp từ các quốc gia hiện đang là thành viên của Hiệp ước đối với các lĩnh vực kỹ thuật trong việc thực thi Hiệp ước.

Ngoài ra còn có nhiều tổ chức quốc tế, tổ chức khu vực, cơ quan LHQ, tổ chức xã hội dân sự và các Viện chính sách, Viện nghiên cứu tham gia vào việc thực hiện ATT có thể cung cấp và hỗ trợ về kỹ thuật, nghiệp vụ trong việc thực hiện ATT. Ban thư ký ATT có thể đưa ra lời khuyên về việc tiếp cận với ai, tiếp cận như thế nào với các chủ thể như vậy.

Ngoài ra, trên thực tế có rất nhiều hướng dẫn, tài liệu nghiên cứu và các công cụ khác đã được Nhóm công tác ATT cũng như các tổ chức quốc tế, tổ chức xã hội dân sự giới thiệu, trình bày và các Viện chính sách, Viện nghiên cứu đã đưa ra những lời khuyên và hướng dẫn kỹ thuật về cách thực hiện Hiệp ước.

Thông tin thêm về việc triển khai Hiệp ước bao gồm các nguồn tài liệu, công cụ và hướng dẫn có sẵn trên trang web ATT (<https://www.thearmstradetreaty.org/>) hoặc có thể được nhận từ Ban thư ký ATT (info@thearmstradetreaty.org).

* * *